

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **66/2022/HS-ST**
Ngày: 28-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền

Ông Trần Trương Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Danh Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/HSST, ngày 23 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Kim S**, sinh ngày 20/7/1955 tại Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Nơi ĐKTT: Ấp Bình Trung, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện nay: Số 43, đường HNi, khu phố 2, phường VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Họ tên cha: Trần Văn Kì (chết); Họ tên mẹ: Mai Thị Hoa (chết); Họ tên chồng: Huỳnh Văn Đức (chết); Con ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 19/6/2021 đến ngày 28/6/2021 được tại ngoại, cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa của bị cáo Sang: Luật sư **Bùi Thị Thủy** - Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

*** Bị hại: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam.**

Địa chỉ: Tầng 25, Trung tâm thương mại Sài Gòn, số 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Trần Kim T**, sinh năm: 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 43, đường HN, khu phố 2, phường VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 33/3/5A đường CVA, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 43B đường CVA, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

4. Bà **Lê Thị N**, sinh năm: 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp TL, xã TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

5. Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm: 1955 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp TL, xã TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

6. Ông **Lê Văn N**, sinh năm: 1953 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp TL, xã TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2001 Trần Kim S quen biết bà Chu Thị Thu H - Đại lý của Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam (sau đây gọi tắt là Bảo hiểm Prudential), bà H mời S tham gia làm cộng tác viên bán bảo hiểm Prudential (nhiệm vụ là tìm kiếm khách hàng). Khi làm cộng tác viên cho Bảo hiểm Prudential, S thấy việc chi trả bảo hiểm cho người thụ hưởng có sơ hở, có thể lợi dụng để trục lợi, từ đó S đã nảy sinh ý định làm giả hồ sơ bảo hiểm của người đã chết để lừa đảo chiếm đoạt tiền bảo hiểm, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất, khi đến viếng đám tang bà Huỳnh Thị Nt - sinh năm 1954, trú 875A khu phố 1, phường An Hòa, thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang chết do đột tử vào ngày 03/12/2001, Trần Kim S tự nhận bản thân làm việc cho Hội Chữ thập đỏ nước ngoài, thuyết phục gia đình bà N làm hồ sơ để được hỗ trợ một số tiền. S đã yêu cầu gia đình bà N cung cấp giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu, bà Nguyễn Thị T (con ruột bà N) đã cung cấp các giấy tờ trên cho S. Đến ngày 18/12/2001 S tham gia bảo hiểm nhân thọ Prudential hợp đồng số 70068146 cho bà N, người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm khi bà N chết là bà S (thông tin ghi là em chồng của bà N), sau đó tiếp tục dùng danh nghĩa đại diện cho người nhà, S đến Ủy ban nhân dân phường An Hòa khai tử cho bà N, lùi lại thời gian mất là vào ngày 26/12/2001, giấy chứng tử cấp vào ngày 28/12/2001. Hoàn thành tất cả, S gửi hồ sơ về Bảo hiểm Prudential để thanh tiền bảo hiểm và ngày 22/5/2002 được thanh toán với số tiền 98.454.000đ (chín mươi tám triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng), số tiền này Sang đã nhận và chi xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai, cũng với thủ đoạn như trên, theo tìm hiểu Sang biết được vào ngày 13/12/2001, Lê Văn Đ sinh năm 1998, trú ấp Tân Lập, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang chết do đuối nước, S đến gia đình Lê Văn Đ tự nhận mình làm cho Hội Chữ thập đỏ nước ngoài, thuyết phục gia đình làm thủ tục để nhận được tiền hỗ trợ, gia đình đồng ý. Để bổ sung hồ sơ, S nói với gia đình của Đ đến chính quyền địa phương khai tử lùi lại ngày mất là ngày 29/12/2001, làm giấy khai

sinh là vào năm 1996 (do Đ vẫn chưa làm giấy khai sinh), để nhận được tiền hỗ trợ. Bà Huỳnh Thị N (bà ngoại Đ) đã đi làm các thủ tục trên, ông Lê Văn N (Tổ trưởng Tổ Nhân dân tự quản - ông ngoại Đ) ký xác nhận. Ngày 04/01/2002 S tham gia bảo hiểm nhân thọ Prudential hợp đồng số 70081926 cho Lê Văn Đ, người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm khi Đ chết là Trần Bảo D (con ruột S, thông tin ghi là cô ruột của Đ) và Lê Thị N (mẹ của Đ). Ngày 21/3/2002, S nói với bà Lê Thị N ký giấy ủy quyền để bà Chu Thị Thu H nhận thay số tiền được hỗ trợ. Hoàn thành tất cả, S gửi hồ sơ về Bảo hiểm Prudential để thanh tiền bảo hiểm và ngày 25/3/2002 bà H được thanh toán với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), bà H đã giao lại số tiền này cho S, S đưa cho gia đình của Đ (bà Lê Thị N) hơn 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng), số tiền còn lại Sang chi xài cá nhân hết.

Đến vụ Nguyễn Tuấn K, trú khu vực 1, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, chết ngày 19/7/2002 do đuối nước, cũng với thủ đoạn như trên, S làm hồ sơ định tiếp lừa chiếm đoạt tiền của Công ty Bảo hiểm Prudential, nhưng trong quá trình hoàn tất hồ sơ, Công ty Bảo hiểm Prudential nhận thấy S có dấu hiệu lừa đảo, nên đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác định có căn cứ về hành vi lừa đảo nên gửi đơn tố cáo đến Công an thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật. Khi mời S lên trụ sở Công an để làm việc, S đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra thị xã Rạch Giá đã ra quyết định truy nã, đến ngày 19/6/2021 thì S bị bắt.

* Tại bản Kết luận giám định số 117/KL-KTHS, ngày 10/10/2002 của Phòng Cảnh sát kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận như sau:

1. Chữ ký trên “Phiếu đề xuất giải quyết quyền lợi bảo hiểm” do Trần Kim Sang đứng tên, đề ngày 17/4/2002. Ký hiệu A1, chữ ký trên “Tờ tường trình” do Trần Kim S đứng tên, đề ngày 18/4/2002. Ký hiệu A2 với chữ ký trên “Bản khai nhân khẩu” do Trần Kim S đứng tên, đề ngày 28/10/1996. Ký hiệu M1, chữ ký trên “Đơn xin nhập khẩu” do Trần Kim S đứng tên, đề ngày 25/10/1996. Ký hiệu M2. Là do cùng một người ký ra.

2. Chữ viết trên “Phiếu đề xuất giải quyết quyền lợi bảo hiểm” do Trần Kim S đứng tên, đề ngày 17/4/2002. Ký hiệu A1, chữ viết trên “Tờ tường trình” do Trần Kim S đứng tên, đề ngày 18/4/2002. Ký hiệu A2 với chữ viết “Trần Kim S” phía dưới chữ ký trên (bản khai nhân khẩu), đề ngày 28/10/1996. Ký hiệu M1, chữ viết “Trần Kim S” phía dưới chữ ký trên (Đơn xin nhập khẩu), đề ngày 25/10/1996. Ký hiệu M2. Là do cùng một người viết ra.

* Tại bản Kết luận giám định số 737/KL-KTHS, ngày 25/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận như sau:

Chữ ký và chữ viết “Trần Kim S” dưới mục “Cam kết của người đề xuất giải quyết quyền lợi bảo hiểm” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký và chữ viết “Trần Kim S” trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra.

* Tại bản Kết luận giám định số 987/KL-KTHS, ngày 25/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận như sau:

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký dạng chữ viết “N” mang tên Lê Thị N dưới mục “Chữ ký của người mua bảo hiểm” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và dưới mục “Người ủy quyền” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký dạng chữ viết “N” mang tên Lê Thị N trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 có phải do cùng một người ký ra hay không.

*** Phân trách nhiệm dân sự:**

Đại diện theo ủy quyền của Công ty Bảo hiểm Prudential đã nhận số tiền 198.454.000đ (một trăm chín mươi tám triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng) do Trần Kim Sang và Trần Kim T (em ruột S) nộp để bồi thường, hiện nay Công ty Bảo hiểm Prudential không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đồng thời có ý kiến đề nghị xử bị cáo S mức án nhẹ.

Tại bản Cáo trạng số: 38/CT - VKSTKG-P2, ngày 20/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trần Kim S về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Kim S Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo Trần Kim Sang phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và xử phạt bị cáo S từ 6 đến 9 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết tiếp tục hoàn trả hay bồi thường gì thêm, nên đề nghị không xem xét đến.

- Bị cáo Trần Kim S có ý kiến: Thừa nhận bản thân đã thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam với hình thức làm thủ tục tham gia bảo hiểm và thanh bảo hiểm không đúng sự thật thông qua gia đình của Huỳnh Thị N và Lê Văn Đ đúng như truy tố của Viện kiểm sát. Khi đó, bị cáo nói dối với những người trong gia đình của Huỳnh Thị N (Nguyễn Thị T...) và gia đình Lê Văn Đ (Lê Thị N...) là bản thân làm cho Hội Chữ thập đỏ nước ngoài, kêu họ làm hồ sơ để được hỗ trợ tiền, chứ không nói rõ cho họ biết là làm thủ tục tham gia bảo hiểm và thanh bảo hiểm, họ tin là thật nên làm theo những gì bị cáo kêu làm. Sau khi chiếm đoạt tiền của Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam, bị cáo có đưa cho gia đình Huỳnh Thị Nt (Nguyễn Thị T...) và gia đình Lê Văn Đ (Lê Thị Ngọt...) một số tiền, nói là được Hội chữ thập đỏ nước ngoài hỗ trợ. Nay không yêu cầu gia đình Huỳnh Thị N (Nguyễn Thị T) và gia đình Lê Văn Đ (Lê Thị N) trả lại số tiền bị cáo đã đưa cho họ.

- Người bào chữa của bị cáo S có ý kiến: Đồng ý theo ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng áp dụng đối với bị cáo Sang. Đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Kim T có ý kiến: Không yêu cầu xem xét giải quyết lại số tiền 198.454.000đ ông thay bị cáo S nộp để hoàn trả cho Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn N, Lê Thị N, Huỳnh Thị N có ý kiến: Khi gia đình có người thân (Lê Văn Đ) mất, Trần Kim S đến tự nhận là đang làm việc cho Hội chữ thập đỏ nước ngoài, kêu gia đình làm hồ sơ để được hỗ trợ một số tiền, tin là thật nên S kêu làm thủ tục gì và ký giấy tờ gì thì ký chứ không biết S làm thủ tục tham gia bảo hiểm và thanh tiền bảo hiểm đối với Công ty Bảo hiểm Prudential. Sau khi làm hồ sơ một thời gian, S có đưa cho hơn 16.000.000đ, nghĩ là được Hội Chữ thập đỏ nước ngoài hỗ trợ như S nói nên nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tội của bị cáo Trần Kim S: Tại phiên tòa, bị cáo S khai nhận vào năm 2001, bản thân đã thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt 198.454.000đ của Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam với hình thức làm thủ tục tham gia bảo hiểm và thanh bảo hiểm không đúng sự thật thông qua gia đình Huỳnh Thị N và Lê Văn Đ đúng như truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai nhận của bị cáo S tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; hồ sơ tham gia, thanh bảo hiểm; kết luận giám định... Từ đó có cơ sở để xác định hành vi bị cáo S thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây thiệt hại lớn về vật chất cho người bị hại, thể hiện sự bất chấp, xem thường kỷ cương pháp luật.

4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo S hai lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện có sự ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi hoàn đầy đủ số tiền đã chiếm đoạt của bị hại; đại diện bị hại có ý kiến yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo thật sự khó khăn, bị

cáo đã lớn tuổi, bị bệnh và phải trực tiếp nuôi một người con bị tâm thần...nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xét thấy có đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5]. Xét ý kiến của người bào chữa đề nghị cho bị cáo S được hưởng án treo. Như trên đã nêu, bị cáo S hai lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, có khung hình phạt từ 2 đến 7 năm tù, tức là tội nghiêm trọng và khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã trên 18 tuổi. Do đó, thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được sửa đổi bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận phần ý kiến đề nghị này của người bào chữa.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, một phần ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, quyết định xử phạt bị cáo S một mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và điều kiện hoàn cảnh của bản thân, gia đình bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Trong giai đoạn điều tra, bị cáo S và gia đình (ông Trần Kim T) đã bồi hoàn đầy đủ số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại Công ty Bảo hiểm Prudential, đại diện bị hại có ý kiến xác định đã nhận đủ và không yêu cầu bị cáo S bồi thường gì thêm; bị cáo S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết gì về phân trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[7] Về án phí, căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Kim S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về nội dung có liên quan khác: Theo chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, khi bị cáo Trần Kim S thông qua những người trong gia đình Huỳnh Thị N và gia đình Lê Văn Đ để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Công ty Bảo hiểm Prudential Việt Nam thì họ không biết mục đích, thủ đoạn của bị cáo, không bàn bạc, thỏa thuận gì với bị cáo, mà tin theo lời nói dối của bị cáo là làm hồ sơ để được Hội Chữ thập đỏ nước ngoài hỗ trợ một khoản tiền, nên bị cáo S kêu ký thủ tục thì ký chứ không biết nội dung cụ thể như thế nào. Do đó, không xử lý trách nhiệm của họ cùng với bị cáo S trong vụ án này là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo **Trần Kim S** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo Trần Kim S **6 (Sáu)** tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, được trừ thời bị tạm giữ từ ngày 19/6/2021 đến ngày 28/6/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Kim S đã bồi hoàn đủ số tiền chiếm đoạt cho bị hại Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam, tại phiên tòa không ai yêu cầu giải quyết gì về phần trách nhiệm dân sự, nên không xem xét đến.

3. Về án phí, căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Kim S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/7/2022); bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa khi tuyên án, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

* Trường hợp phần dân sự của bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1)
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại, liên quan (7);
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Linh